

Số: 22/BC-UBND

Minh Long, ngày 17 tháng 01 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2018; nhiệm vụ và giải pháp thực hiện giai đoạn 2019 đến năm 2020 trên địa bàn huyện

Thực hiện Công văn số 1021-CV/HU ngày 09/01/2019 của Huyện ủy Minh Long về việc tham mưu nội dung chuẩn bị Hội nghị Huyện ủy trong tháng 01/2019. UBND huyện Minh Long báo cáo như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2016-2018

1. Công tác kiện toàn bộ máy chỉ đạo, điều hành và hệ thống cơ quan tham mưu, giúp việc tổ chức quản lý và triển khai Chương trình ở các cấp:

Qua 03 năm triển khai thực hiện Chương trình, bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình từ huyện đến xã đã được thành lập và kiện toàn, đây là yếu tố rất quan trọng để đẩy nhanh tiến độ xây dựng NTM trên địa bàn huyện. Cụ thể như sau:

a) *Ban Chỉ đạo huyện:* UBND huyện đã ban hành Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 09/5/2017 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG huyện giai đoạn 2016 - 2020; thành lập Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 04/11/2015 của Chủ tịch UBND huyện; hàng năm thường xuyên kiện toàn Ban chỉ đạo cấp huyện. Ngoài ra, UBND huyện còn phân công cán bộ chuyên môn của các phòng, ban đứng cánh để hỗ trợ các xã triển khai thực hiện Chương trình.

b) *Cấp xã, thôn:* Có 05/05 xã đã thành lập BCD và Ban quản lý Chương trình. Ban Chỉ đạo xã do Bí thư Đảng ủy xã làm Trưởng ban; Ban quản lý xã do Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban. Có 43 thôn thành lập Ban Phát triển thôn. Đến nay, các xã đã bố trí cán bộ kiêm nhiệm theo dõi, tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện nông thôn mới trên địa bàn xã.

2. Ban hành các cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình:

a) *Kết quả ban hành các văn bản hướng dẫn, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách và quy định của Trung ương.*

Trên cơ sở văn bản quy định của Trung ương, UBND huyện tham mưu ban hành các văn bản thực hiện Chương trình, cụ thể như sau: Nghị quyết số 04-NQ/ĐH ngày 26/8/2015 của Đại hội đại biểu lần thứ XVIII Đảng bộ huyện

Minh Long, nhiệm kỳ 2015 - 2020; Nghị quyết số 23/2015/NQ-HĐND ngày 25/12/2015 của Hội đồng nhân dân huyện Minh Long về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020. UBND huyện ban hành Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long về việc phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

b) Kết quả ban hành cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương (bao gồm: hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; thu gom, xử lý rác thải, nước thải, cải tạo cảnh quan môi trường; phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi; Chương trình OCOP; lồng ghép; cơ chế đầu tư đặc thù; hỗ trợ lãi xuất vay tín dụng; tiêu chí nông thôn mới cấp thôn, bản, tiêu chí xã, huyện nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu...): Huyện không ban hành cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương.

3. Cơ chế điều phối, phối hợp và phân cấp trong quản lý, điều hành thực hiện Chương trình:

Đến nay, bộ máy chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình các cấp trên địa bàn huyện đã cơ bản được thành lập và đi vào hoạt động thống nhất trong toàn huyện. Ban Chỉ đạo Huyện kịp thời tiếp thu các văn bản của trên và cụ thể hóa thành các kế hoạch và văn bản chỉ đạo đến các xã và các ngành có liên quan để tổ chức thực hiện.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ các ban, ngành, đoàn thể Huyện có sự phối hợp đồng bộ, thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, tiêu chí đã đề ra trong từng năm, từng giai đoạn cụ thể gắn với chương trình mục tiêu giảm nghèo. Đồng thời, các phòng, ban, ngành của huyện bám sát nội dung Chương trình xây dựng NTM để tham mưu UBND huyện ban hành đầy đủ hệ thống văn bản chỉ đạo và triển khai, tổ chức thực hiện. Quan tâm hỗ trợ, hướng dẫn địa phương về chuyên môn nghiệp vụ, lồng ghép thực hiện các dự án đầu tư vào mục tiêu xây dựng nông thôn mới, nhất là cho các xã phấn đấu đạt xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên với Ban chỉ đạo các xã. Ngay từ đầu năm, các xã đều xây dựng kế hoạch thực hiện, kịp thời bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo đứng thành phần, phân công nhiệm vụ cụ thể. Thường xuyên phối hợp thực hiện các mục tiêu, tiêu chí của chương trình. Đồng thời có sự tham gia của người dân trong thực hiện Chương trình xây dựng NTM.

4. Kết quả thực hiện các tiêu chí của từng xã:

Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn huyện năm 2018: Bình quân đạt 12/19 tiêu chí, cụ thể:

- Xã Long Sơn: 15 tiêu chí;
- Xã Long Hiệp: 11 tiêu chí
- Xã Long Mai: 13 tiêu chí;
- Xã Thanh An: 13 tiêu chí;

- Xã Long Môn: 8 tiêu chí.

(Chi tiết theo phụ biểu 01 kèm theo)

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ CÁC TIÊU CHÍ CỦA TỪNG XÃ (Chi tiết theo phụ biểu 02 kèm theo)

1. Tiêu chí 01: Quy hoạch

- Quy hoạch chung: Đến nay, 5/5 xã đã hoàn thành quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới cấp xã;
- UBND các xã đã ban hành quy chế quản lý quy hoạch.

2. Tiêu chí số 02: Giao thông

- Trong 03 năm 2016-2018, huyện đã thực hiện nâng cấp, làm mới các tuyến đường giao thông giao thông với tổng chiều dài hơn 20km gồm các tuyến đường trung tâm huyện, đường trục xã, đường trục thôn, đường ngõ xóm. Tổ chức thực hiện bê tông xi măng các tuyến đường ngõ xóm, nâng cấp, duy tu, sửa chữa đường giao thông trục xã, liên xã; cứng hóa đường trục chính nội đồng. (trong đó theo cơ chế hỗ trợ 100% xi măng của UBND tỉnh, có 4,217km đường ngõ xóm được bê tông hóa). Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường đã quy hoạch, có 100% km đường huyện được bảo trì hàng năm. Hiện nay có 04/05 xã đạt tiêu chí. Phần đầu đến hết năm 2020 có 05/05 xã đạt chuẩn về tiêu chí Giao thông, chiếm tỷ lệ 100%.

- Nhu cầu đầu tư đối với xã chưa đạt tiêu chí: (Xã Long Môn)

+ Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: 9,6km.

+ Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa: 2,8km.

+ Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm: 12,3km.

3. Tiêu chí số 03: về Thủy lợi: Trong thời gian qua, thực hiện đầu tư mới, nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi, kiên cố hóa 22 tuyến kênh mương. Hiện nay, 05/05 xã đạt chuẩn về tiêu chí Thủy lợi, chiếm tỷ lệ 100%. Tiếp tục tập trung ưu tiên đầu tư kiên cố hoá các công trình thủy lợi đầu mối; từng bước hoàn thiện hệ thống thủy lợi nội đồng nâng cao năng lực tưới tiêu đáp ứng yêu cầu sản xuất, dân sinh và phòng chống thiên tai. Phần đầu giữ vững tiêu chí thủy lợi.

4. Tiêu chí Điện: Đến nay tỷ lệ hộ dùng điện là 99,42%. Tiếp tục hoàn thiện và phát triển đồng bộ hệ thống lưới điện đảm bảo phục vụ sản xuất và đời sống của người dân khu vực nông thôn, nâng tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt >99,5%. 5/5 xã đạt tiêu chí chiếm tỷ lệ 100%.

5. Tiêu chí Trường học: Thực hiện đầu tư xây dựng trường chuẩn quốc gia theo đề án Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học thuộc các xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2017-2020. Xây dựng hoàn chỉnh các công trình:

phòng học, nhà hiệu bộ, nhà đa năng, nhà bếp ăn, nhà làm việc, tường rào, công ngõ, sân nền cho các trường mẫu giáo, tiểu học, THCS trên địa bàn huyện. Đến nay trên địa bàn huyện có 01/05 xã đạt tiêu chí (Xã Long Sơn đạt 80%); 04 xã còn lại đạt từ 60% - 77% .

6. Tiêu chí Cơ sở vật chất văn hoá: Tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng phát triển hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở; hoàn thiện hệ thống Trung tâm văn hoá - thể thao xã, Nhà văn hoá - Khu thể thao thôn; thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ xây dựng nhà văn hoá, khu thể thao thôn của tỉnh giai đoạn 2017 - 2020. Đến nay có 3/5 xã đạt tiêu chí (chiếm 60%), còn lại 02 xã Long Hiệp và Long Môn chưa đạt tiêu chí.

7. Tiêu chí về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Hệ thống chợ nông thôn, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trên địa bàn huyện đã cơ bản hoàn thiện. Trên địa bàn huyện có 2 chợ nông thôn hạng III, 2 xã Long Mai và Thanh An không quy hoạch chợ vì nằm gần chợ trung tâm xã Long Hiệp; xã Long Môn chưa có chợ; Thực hiện đầu tư nâng cấp chợ trung tâm xã Long Sơn trong năm 2019, tổng số xã có chợ đạt chuẩn về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn là 04/05 xã, đạt tỷ lệ 80%.

8. Tiêu chí về Thông tin và truyền thông: Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở, nâng cao chất lượng hoạt động truyền thông đến cơ sở, đảm bảo các thông tin được truyền tải đến người dân kịp thời, chính xác, nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành ở cấp xã. Đến nay, 100% số xã có điểm phục vụ bưu chính dịch vụ viễn thông, internet, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành; 05/05 xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn, chiếm tỷ lệ 100% các xã đạt tiêu chí Thông tin và truyền thông.

9. Tiêu chí về Nhà ở dân cư: Tiếp tục thực hiện rà soát, phân loại hiện trạng nhà ở khu vực nông thôn, tập trung hỗ trợ xoá nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn các xã. Đến nay, toàn huyện có 05/05 xã đạt tiêu chí, chiếm tỷ lệ 100%.

10. Tiêu chí về Thu nhập: Toàn huyện chưa đạt tiêu chí thu nhập. Bình quân toàn huyện 18,5 tr/người/năm.

11. Tiêu chí về Hộ nghèo: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều chiếm 25,7%; Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, nâng cao hiệu quả các Chương trình an sinh xã hội trên địa bàn nông thôn; thực hiện đổi mới cách thức hỗ trợ người nghèo từ hỗ trợ trực tiếp sang hỗ trợ đào tạo, hỗ trợ việc làm, hỗ trợ vốn, phương thức phát triển sản xuất để người dân chủ động vươn lên thoát nghèo, hằng năm giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 5-7% trở lên.

12. Tiêu chí về Lao động có việc làm: Thực hiện tốt các chính sách về việc làm đối với lao động trong độ tuổi; thu hút các doanh nghiệp về đầu tư trên địa bàn nông thôn để tạo việc làm cho lao động nông thôn, đặc biệt quan tâm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khu vực nông thôn để thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động có hiệu quả. Đến nay, có 05/05 xã đạt tiêu chí, chiếm tỷ lệ

100%. Phần đầu năm 2020, 100% số xã có tỷ lệ lao động khu vực nông thôn có việc làm đạt > 90%.

13. Tiêu chí về Tổ chức sản xuất: Thành lập mới 03 HTX, tổ hợp tác trong nông nghiệp, nông thôn và khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các HTX, tổ hợp tác phát triển; phát triển và nhân rộng các mô hình liên kết sản xuất mới có hiệu quả trên địa bàn. Hiện nay có 02/05 xã đạt tiêu chí

14. Tiêu chí về Giáo dục và Đào tạo:

Công tác Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở đạt 5/5 xã chiếm tỷ lệ 100%.

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) Đạt 4/5 xã (80%), xã Long Môn chưa đạt. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo Đạt 4/5 xã (80%), xã Long Môn chưa đạt.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo; thực hiện có hiệu quả chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý giáo dục, nâng cao chất lượng gắn với đổi mới phương thức đào tạo, xây dựng đội ngũ giáo viên đạt chuẩn về trình độ; tích cực vận động phát triển các quỹ khuyến học, khuyến tài ở khu vực nông thôn. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tiếp tục quan tâm công tác tư vấn học nghề và giới thiệu việc làm; phát triển chương trình đào tạo; hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở dạy nghề; nâng cao trình độ, năng lực cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp; xây dựng các mô hình đào tạo nghề có hiệu quả cho lao động nông thôn.

15. Tiêu chí về Y tế: Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh cho nhân dân; thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế, dân số kế hoạch hoá gia đình; giảm thiểu tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi... tiếp tục quan tâm xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở. Đến nay có 04/05 xã đạt tiêu chí, xã Long Hiệp có trạm y tế chưa đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

16. Tiêu chí về Văn hoá: Tiếp tục quan tâm phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở, tạo điều kiện để người dân nông thôn tham gia xây dựng đời sống văn hoá, thể thao, từng bước đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí của người dân khu vực nông thôn; nghiên cứu, nhân rộng các mô hình tốt về phát huy bản sắc văn hoá, truyền thống tốt đẹp của địa phương; tổ chức triển khai thực hiện tốt cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới". Đến nay có 4/5 xã đạt tiêu chí.

17. Tiêu chí về Môi trường và an toàn thực phẩm:

Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định trên toàn huyện là: 78,87% (chưa đạt).

Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường trên toàn huyện là 41.4% (chưa đạt).

Tuyên truyền, vận động người dân giữ gìn vệ sinh môi trường nông thôn; xây dựng và sử dụng nhà tắm, nhà tiêu, bể chứa nước hợp vệ sinh, thay đổi thói quen, tập tục lạc hậu gây ô nhiễm môi trường; xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung đảm bảo cấp nước sạch và nước hợp vệ sinh theo quy định; xây dựng mới các điểm thu gom, tập kết và xử lý rác, chất thải đảm bảo theo quy hoạch; có biện pháp thu gom, xử lý chất thải, nước thải từ các khu dân cư chưa có dịch vụ thu gom; xây dựng, quản lý nghĩa trang nhân dân theo quy hoạch; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường; cơ sở chăn nuôi phải có chuồng trại hợp vệ sinh để xử lý chất thải chăn nuôi; các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải tuân thủ các quy định về đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

18. Tiêu chí về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật:

Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn trên toàn huyện đạt 95%.

Tiếp tục nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; chú trọng xây dựng Đảng bộ và các tổ chức Đoàn thể chính trị - xã hội trong sạch, vững mạnh; từng bước đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ xã đạt chuẩn theo quy định; đảm bảo và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; làm tốt công tác đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

Triển khai thực hiện Đề án một cửa tại UBND huyện và UBND các xã. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 05/12/2016 của Tỉnh ủy và Chương trình hành động số 19-CTr/HU ngày 16/01/2017 của Huyện ủy về cải cách hành chính. Tiến hành kiểm tra công tác cải cách hành chính tại UBND các xã.

19. Tiêu chí về Quốc phòng và An ninh: Tình hình an ninh chính trị được giữ vững. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Đẩy mạnh thực hiện phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp với thế trận an ninh nhân dân; Chủ động phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả, kiềm chế sự gia tăng các tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội. Đến nay có 4/5 xã đạt tiêu chí, xã Long Mai chưa đạt.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt được:

- Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2018, đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn được nâng lên, an ninh nông thôn được bảo đảm, bộ mặt nông thôn đã có nhiều khởi sắc. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ngày một phát triển như: hệ thống đường giao thông từ huyện đến xã, từ xã đến thôn; trường học, các thiết chế văn hóa-thể thao cơ sở..., tạo ra diện mạo mới cho huyện nhà.

- Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao quần chúng được đẩy mạnh. Chất lượng giáo dục ngày càng tăng, công tác phổ cập giáo dục tiếp tục được duy

trì ở tất cả các xã. Công tác phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân đạt kết quả tốt, tỷ lệ người dân tham gia BHYT ngày một tăng.

- Hệ thống quản lý, thực hiện Chương trình các cấp đã được thành lập, kiện toàn, đi vào hoạt động cơ bản hiệu quả. Các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình của huyện được ban hành khá đầy đủ, kịp thời.

- Nhận thức trong đội ngũ cán bộ công chức các cấp và nhân dân về xây dựng NTM đã có sự thay đổi rõ rệt; vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng NTM đã từng bước được xác định rõ ràng, qua đó đã khuyến khích, động viên được người dân tham gia đóng góp xây dựng NTM. Công tác đào tạo, tập huấn về xây dựng NTM được tổ chức kịp thời, đúng đối tượng; nội dung, thời lượng và phương pháp truyền đạt phù hợp cho từng đối tượng.

- Các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất của trung ương, tỉnh được triển khai kịp thời, sâu rộng qua các đề án, chương trình, kế hoạch cụ thể; các mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả được chú ý nhân rộng. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã bước đầu có hiệu quả, thu nhập của người dân nông thôn ngày được nâng cao, đời sống vật chất và tinh thần của người dân từng bước được cải thiện.

- Phong trào thi đua chung sức xây dựng NTM được nhân dân và xã hội đồng tình hưởng ứng mạnh mẽ, tạo ra sức lan tỏa lớn và thật sự mang lại hiệu quả thiết thực đối với chương trình xây dựng NTM.

2. Hạn chế, tồn tại chủ yếu và nguyên nhân

a) Hạn chế, tồn tại:

- Công tác triển khai thực hiện một số các chỉ tiêu, tiêu chí NTM ở các xã chậm. Chất lượng một số các tiêu chí NTM đã đạt tại một số xã còn hạn chế. Cảnh quan môi trường nông thôn chưa thật sự xanh - sạch - đẹp. Tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn có xu hướng gia tăng ở nhiều nơi.

- Liên kết, hợp tác trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ còn hạn chế. Việc áp dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất chưa nhiều; Việc duy trì và phát huy các làng nghề truyền thống còn gặp nhiều bất cập.

- Việc huy động nguồn lực cho xây dựng NTM còn gặp nhiều khó khăn. Vốn ngân sách nhà nước (kể cả vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác) còn quá thấp so với yêu cầu; vốn huy động trong dân rất hạn chế do thu nhập của người nông dân còn thấp; vốn huy động từ các doanh nghiệp không nhiều.

- Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn tuy được cải thiện nhưng vẫn còn ở mức thấp. An ninh, trật tự an toàn xã hội ở nông thôn có nơi, có lúc chưa bảo đảm. Một số tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn triệt để.

b) Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế:

- Điểm xuất phát xây dựng NTM của huyện còn thấp. Sản xuất nông nghiệp vẫn còn khó khăn, hàng hóa nông sản bản địa khó cạnh tranh.

- Tập quán sản xuất, sinh hoạt, tiêu dùng của bà con chưa thực sự thoát khỏi tính tự túc, tự cấp. Tình trạng thiếu phương thức canh tác nông nghiệp còn tồn tại ở nhiều nơi. Các điều kiện khó khăn hội tụ ở người nghèo nhiều nên khó khắc phục ngay được, người nghèo còn rất lúng túng để tự lựa chọn phương thức thoát nghèo, tăng thu nhập.

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và người dân còn hạn chế, nhất là tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư từ ngân sách nhà nước, tính tự lực, tự cường chưa phát huy đúng mức.

- Một số nơi chưa làm hết trách nhiệm trong việc tuyên truyền, vận động xây dựng NTM, cũng như huy động các nguồn lực xã hội cho xây dựng NTM. Việc thu hút vốn đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế. Cơ chế hỗ trợ vốn xây dựng NTM còn dàn đều giữa các vùng có điều kiện địa lý, kinh tế - xã hội khác nhau.

- Nguồn lực đầu tư còn hạn chế so nhu cầu nhất là nhu cầu đầu tư xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn.

IV. GIẢI PHÁP ĐỂ ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ, NANG CAO HIỆU QUẢ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH ĐỀ 02 XÃ ĐẠT TIÊU CHÍ ĐẾN CUỐI NHIỆM KỲ

1. Nhóm 1: Tiêu chí quy hoạch và thực hiện quy hoạch:

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; điều chỉnh bổ sung các quy hoạch sản xuất trong đồ án quy hoạch sản xuất trong đồ án quy hoạch xã nông thôn mới gắn với tái cơ cấu nông nghiệp.

2. Nhóm 2: Hạ tầng kinh tế và xã hội

- Tập trung tối đa mọi nguồn lực và thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của các Chương trình mục tiêu quốc gia khác, các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trong xây dựng nông thôn mới. Trong đó ưu tiên 02 xã (Long Sơn, và Thanh An) được lựa chọn phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2019 và định hướng đến năm 2020; các xã còn lại ưu tiên đầu tư các công trình cấp thiết nhất phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế, ổn định đời sống dân cư; các công trình dễ làm, ít tốn kém, có thể huy động được sức dân và nguồn lực xã hội khác; các công trình cải tạo, nâng cấp để nâng cao ngay được hiệu quả sử dụng.

- Việc thực hiện các công trình hạ tầng nông thôn mới cần phải được người dân chủ động tham gia bàn bạc, quyết định và tự nguyện đóng góp; khuyến khích thực hiện giao công trình phù hợp cho người dân và cộng đồng dân cư trực tiếp thi công, đảm bảo công khai, minh bạch; việc huy động đóng góp của người dân phải thực hiện trên cơ sở tự nguyện, bàn bạc dân chủ không gượng ép, quá sức dân.

3. Nhóm 3: Nhóm kinh tế và tổ chức sản xuất

- Tiếp tục sử dụng có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất từ nguồn vốn trực tiếp của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và các nguồn vốn của tỉnh, các nguồn vốn lồng ghép để hỗ trợ một số xã xây dựng các mô hình sản xuất theo hình thức hỗ trợ giống, cây con. Đối tượng lựa chọn là các mô hình sản xuất mang tính ổn định lâu dài, là sản phẩm thế mạnh của địa phương, có hiệu quả kinh tế cao được nhân dân đang hưởng ứng để từng bước nhân rộng; ưu tiên các mô hình sản xuất có khả năng hình thành vùng sản xuất hàng hoá tập trung.

- Tiếp tục thực hiện Đề án tái có cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới huyện Minh Long giai đoạn 2016-2020; từng bước xác định các vùng sản xuất tập trung và các cây trồng, vật nuôi chủ lực trên địa bàn huyện; đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn; thực hiện lồng ghép Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm và dạy nghề, giảm nghèo bền vững; tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, thú y, bảo vệ thực vật, quản lý giống cây trồng, vật nuôi để từng bước nhân rộng mô hình, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, chuyển đổi cơ cấu lao động, đầu tư sản xuất kinh doanh có hiệu quả nhằm tăng nhanh thu nhập cho cư dân nông thôn.

- Tiếp tục đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, khuyến khích đẩy mạnh việc hình thành các hợp tác xã, tổ hợp tác...; khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm để từng bước nhân rộng mô hình, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, tăng thu nhập cho dân cư nông thôn để hoàn thành các tiêu chí về kinh tế và tổ chức sản xuất.

4. Nhóm 4: Nhóm văn hóa xã hội và môi trường

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo; thực hiện có hiệu quả chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh các công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn nhằm tăng nhanh lực lượng lao động qua đào tạo.

- Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh cho nhân dân; thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế, dân số kế hoạch hoá gia đình, chống suy dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi, nâng cao chất lượng đội ngũ y, bác sỹ; từng bước đầu tư nâng cấp và xây mới các trạm y tế xã đạt chuẩn.

- Quan tâm đầu tư nâng cao chất lượng hoạt động của công tác thông tin truyền thông từng bước đáp ứng yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền để thay đổi cơ bản về nhận thức của người dân. Các tiêu chí nông thôn mới gắn với văn hoá, xã hội, môi trường là các tiêu chí đòi hỏi sự vào cuộc, ủng hộ tích cực của cả cộng đồng, mà trực tiếp là người dân. Các xã chỉ đạo thôn bản rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy ước, hương ước thôn bản và tổ chức thực hiện để xây dựng đời sống văn hoá mới; xây dựng mô hình tổ, nhóm dân cư tự quản trong quản lý vệ sinh môi trường tại thôn bản.

- Thực hiện tốt các Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, y tế, giáo dục và đào tạo, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, các chính sách khác có liên quan theo hướng bám sát Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Tiếp tục triển khai phong trào thi đua gắn với xây dựng nông thôn mới như: phong trào “Xây dựng môi trường nông thôn xanh sạch đẹp”, phong trào “5 không, 3 sạch, 3 an toàn”... qua đó nâng cao ý thức, trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy cá truyền thống văn hoá dân tộc, từng bước thay đổi nhận thức, cách sống, nề nếp ăn ở văn minh, lịch sự.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, xây dựng các mô hình tổ, nhóm dân cư tự quản làm vệ sinh môi trường tại thôn, xóm nhằm khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại khu vực nông thôn; các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm phải tuân thủ các quy định về đảm bảo vệ sinh ATTP.

5. Nhóm 5: Hệ thống chính trị

- Tiếp tục nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, Chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân. Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ xã đạt chuẩn, có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định. Nâng cao vai trò hoạt động của các tổ chức đoàn thể tại địa bàn xã trên cơ sở phân công, phân nhiệm về thực hiện các chỉ tiêu trong từng tiêu chí cụ thể tại cơ sở, phấn đấu và giữ vững danh hiệu trong sạch, vững mạnh.

- Nâng cao chất lượng thực hiện phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” ở khu vực nông thôn. Chủ động nắm bắt và dự báo tình hình, làm tốt công tác phòng ngừa tội phạm, đảm bảo an ninh trật tự nông thôn, đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự, không để xảy ra các vụ việc kéo dài, hình thành các điểm nóng về an ninh, trật tự xã hội và tệ nạn xã hội, nâng cao tính tự quản, tự bảo vệ của cộng đồng dân cư.

- Nâng cao vai trò của đội ngũ già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng dân cư để phối hợp quản lý mọi mặt đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội; giữ vững an ninh, trật tự xã hội tại địa phương.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất: Đề nghị Trung ương cân đối tăng mức hỗ trợ vốn trực tiếp của Chương trình, nhất là vốn đầu tư phát triển, do điều kiện địa lý đặc thù, xuất phát điểm thực hiện nông thôn mới của huyện ở mức thấp. Đồng thời, tăng mức hỗ trợ vốn sự nghiệp để hỗ trợ xây dựng các mô hình phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân; hỗ trợ công tác tuyên truyền, công tác quy hoạch xã NTM ...

2. Kiến nghị: Về Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới: Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới cần chia thành nhóm tiêu chí bắt buộc, nhóm tiêu chí khuyến khích. Về tiêu chuẩn (quy mô) kỹ thuật, quy hoạch xây dựng hạ tầng nông thôn cũng cần phân quy định cho giai đoạn trước mắt và lâu dài. Như vậy sẽ tạo sự chủ động, linh hoạt cho địa phương, cơ sở trong triển khai thực hiện xây dựng NTM, đáp ứng đúng thực chất nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phù

hợp đặc thù từng xã; tránh việc làm hình thức, máy móc theo tiêu chí, gây lãng phí nguồn lực.

Trên đây là báo cáo sơ kết thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2018 của UBND huyện Minh Long./.

Nơi nhận:

- Ban thường vụ Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện.
- CT, PCT UBND huyện;
- Phòng NN&PTNT huyện;
- VP: C, PCVP;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

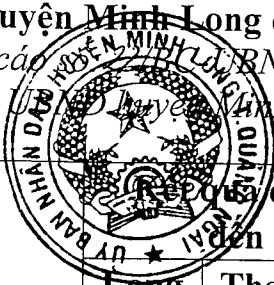


Đinh Văn Điết

PHỤ BIỂU 01

**Kết quả thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới
trên địa bàn huyện Minh Long đến hết năm 2018**

*(Kèm theo Báo cáo UBND ngày 17/01/2019
của Ủy ban Nhân dân Huyện Minh Long)*



Số TT	Tên tiêu chí	Số xã đạt được tiêu chí NTM đến thời điểm báo cáo					Ghi chú
		Long Sơn	Thanh An	Long Mai	Long Hiệp	Long Môn	
NHÓM 1: QUY HOẠCH							
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	x	x	x	x	x	
NHÓM 2: HẠ TẦNG- KINH TẾ XÃ HỘI							
2	Giao thông	x	x	x	x		
3	Thủy lợi	x	x	x	x	x	
4	Điện	x	x	x	x	x	
5	Trường học	x					
6	Cơ sở vật chất văn hóa	x	x	x			
7	CSHT thương mại nông thôn	x	x	x	x		
8	Thông tin và truyền thông	x	x	x	x	x	
9	Nhà ở dân cư	x	x	x	x	x	
NHÓM 3: KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT							
10	Thu nhập						
11	Hộ nghèo						
12	Lap động có việc làm	x	x	x	x	x	
13	Tổ chức sản xuất	X		X			
NHÓM 4: VĂN HÓA- XÃ HỘI- MÔI TRƯỜNG							
14	Giáo dục đào tạo	x	x	x	x		
15	Y tế	x	x	x		x	
16	Văn hóa	x	x	x	x		
17	Môi trường và an toàn thực phẩm						
NHÓM 5: HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ							
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật						
19	Quốc phòng và an ninh	x	x		x	x	
Tổng số tiêu chí đạt từng xã		15	13	13	11	8	

Phụ lục 2
Kết quả thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn huyện Minh Long
 (Kèm theo Báo cáo số: 22/BC-UBND ngày 01/2019 của Ủy ban nhân dân huyện)



T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu	Tỷ lệ % đạt được các tiêu chí NTM Đến thời điểm báo cáo					Ghi chú
				Long Sơn	Thanh An	Long Mai	Long Hiệp	Long Môn	
NHÓM I. QUY HOẠCH									
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt 5/5 xã (100%)
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
NHÓM II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI									
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	> 90%	Đạt (100%)	Đạt (100%)	Đạt (100%)	Đạt (100%)	Đạt (100%)	Đạt 5/5 xã (100%)
		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥ 55%	Đạt (100%)	Đạt (100%)	Đạt (67,4%)	Đạt (100%)	Chưa đạt (50%)	Đạt 4/5 xã (80%)
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	≥ 55%	Đạt (90,24%)	Đạt (85,71%)	Đạt (100%)	Đạt (83,6%)	Chưa đạt (45%)	Đạt 4/5 xã (80%)
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	≥ 55%	Đạt (75%)	Đạt (75%)	Đạt (60%)	Đạt (60,5%)	Chưa đạt (10%)	Đạt 4/5 xã (80%)
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	≥ 80%	Đạt (91,6%)	Đạt (81%)	Đạt (90%)	Đạt (86,8%)	Đạt (80%)	Đạt 5/5 xã (100%)

		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt 5/5 xã (100%)
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt 5/5 xã (100%)
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥ 98%	Đạt (99,2%)	Đạt (100%)	Đạt (100%)	Đạt (98%)	Đạt (100%)	Đạt 5/5 xã (100%)
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	≥ 80%	Đạt (80%)	Chưa đạt (60%)	Chưa đạt (77%)	Chưa đạt (77%)	Chưa đạt (60%)	Đạt 1/5 xã (20%)
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Đạt 4/5 xã (80%)
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Có	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Đạt 4/5 xã (80%)
		6.3. Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	Đạt (100%)	Đạt (100%)	Đạt (100%)	Chưa đạt (71.5%)	Chưa đạt (NVH không đạt chuẩn)	Đạt 3/5 xã (60%)
7	CSHT thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Có	Đạt	Đạt (xã không quy hoạch chợ)	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Đạt 4/5 xã (80%)
8	Thông tin và truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Có	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt 5/5 xã (100%)
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Có	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt 5/5 xã (100%)
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ	Có	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt 5/5 xã

		thống loa đến các thôn							(100%)
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Có	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt 5/5 xã (100%)
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt 5/5 xã (100%)
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	≥ 80%	Đạt 83,5% (1125/1347 nhà)	Đạt 98% (905/923 nhà)	Đạt 86.83% (989/1.139 nhà)	Đạt 82% (967/1.182 nhà)	Đạt 81% (282/348 nhà)	Đạt 5/5 xã (100%)
NHÓM III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT									
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (triệu đồng/người)	41 triệu	Chưa đạt (23 tr)	Chưa đạt (16 tr)	Chưa đạt (21tr)	Chưa đạt (24,39tr)	Chưa đạt (12tr)	Đạt 0/5 xã (0%)
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	≤ 5%	Chưa đạt 18.8% (250/1382 hộ)	Chưa đạt 30.76% (292/949 hộ)	Chưa đạt 31.69% (361/1.139 hộ)	Chưa đạt 21.43% (252/1.175 hộ)	Chưa đạt 41.6% (155/372 hộ)	Đạt 0/5 xã (0%)
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥90%	Đạt 90,5% (2856 /3156 L.động)	Đạt 98 % (3192/3.202)	Đạt 95,49% (1927/2.018 lao động)	Đạt 91,12% (2.720/2.985 lao động)	Đạt 90.7% (608/670 lao động)	Đạt 5/5 xã (100%)
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Đạt 3/5 xã (60%)
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt 2/5 xã (40%)
NHÓM IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG									
		14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt 5/5 xã

14	Giáo dục và đào tạo	trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở							(100%)
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	$\geq 80\%$	Đạt 85,4% (264/309 H.sinh)	Đạt 100 % (36/36 HS)	Đạt 100%	Đạt 97%	Chưa đạt 75%	Đạt 4/5 xã (80%)
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	$\geq 40\%$	Đạt 69,57% (215/309 l.động)	Đạt 41.1% (1325/3202 l.động)	Đạt 45% (872/1.297 lao động)	Đạt 43% (1.280/2.985 lao động)	Chưa đạt 20%	Đạt 4/5 xã (80%)
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	$\geq 30\%$	Đạt 100% (5261/5261 người)	Đạt 90.5% (3088/3409 người)	Đạt 100% (4.032/4.032 người)	Đạt 91% (3.817/4.195 người)	Đạt 100%	Đạt 5/5 xã (100%)
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt 4/5 xã (80%)
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 31.4\%$	Đạt 21,2% (115/540 em)	Đạt (30%)	Đạt (24,7%)	Đạt (22,7%)	Đạt (27,7%)	Đạt 5/5 xã (100%)
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	$\geq 70\%$	Đạt 77.8% (7/9 thôn)	Đạt 71.4% (10/14 thôn)	Đạt 100% (9/9 thôn)	Đạt 71,43% (5/7 thôn)	Chưa đạt	Đạt 4/5 xã (80%)
		17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định ($\geq 60\%$ nước sạch)	$\geq 95\%$	Chưa đạt 86,85% (1170/134)	Chưa đạt (86,6%)	Chưa đạt (76%)	Chưa đạt (75%)	Chưa đạt (69,9%)	Đạt 0/5 xã (0%)

17	Môi trường và an toàn thực phẩm			7 hộ)					
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	Đạt 100%	Chưa đạt (47%)	Chưa đạt (20%)	Chưa đạt (20%)	Chưa đạt (20%)	Đạt 1/5 xã (20%)
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt 2/5 xã (40%)
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch: có quy hoạch nghĩa trang lâu dài phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và phong tục, tập quán của địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt. XD quy chế về quản lý nghĩa trang theo quy định	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt 0/5 xã (0%)
		17.5. Chất thải và nước thải được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt 2/5 xã (40%)
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥85%	Chưa đạt 70,94% (669/943 hộ)	Chưa đạt 38,9 %	Chưa đạt 32,6%	Chưa đạt (33.1%) (397/1.197 hộ)	Chưa đạt (20.2%)	Đạt 0/5 xã (0%)
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥75%	Đạt 77,9% (343/440 hộ)	Chưa đạt (47%)	Chưa đạt (40%)	Chưa đạt (33%)	Chưa đạt (37%)	Đạt 1/5 xã (20%)
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	Đạt	Chưa đạt (43%)	Chưa đạt (39%)	Chưa đạt (45%)	Chưa đạt (25%)	Đạt 1/5 xã (20%)

NHÓM V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ									
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Chưa đạt (20/21)	Chưa đạt (21/22)	Chưa đạt (19/20)	Chưa đạt (19/20)	Chưa đạt (19/21)	Đạt 0/5 xã (0%)
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt 5/5 xã (100%)
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt 4/5 xã (80%)
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt 5/5 xã (100%)
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt 0/5 xã (0%)
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Chưa Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt 1/5 xã (20%)
19	Quốc phòng và an ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt 4/5 xã (80%)
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt 5/5 xã (100%)